

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1051/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thái H; địa chỉ: Phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đức Đ; địa chỉ: Phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 20/9/2017, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thái H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thái H và anh Trần Đức Đ kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và

đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 05/11/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường và đã có hai con chung. Đến khoảng năm 2015, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè, mải chơi, không quan tâm đến gia đình. Do vậy, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Có lần, anh Đ còn đánh chị H khiến chị H phải nhập viện. Ngoài ra, quan hệ giữa chị H với bố mẹ chồng và quan hệ giữa hai bên gia đình thông gia không tốt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng đến khoảng tháng 4/2017, chị H và anh Đ sống ly thân. Tuy sống chung một nhà nhưng mỗi người ngủ một phòng, anh Đ ngủ ở phòng khách, còn chị H cùng hai con ngủ ở tầng trên. Đến khoảng tháng 8/2017, chị H cùng con lớn là cháu Trần Minh Bảo N chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị H ăn ở, sinh hoạt cho đến nay. Từ khi ly thân, chị H và anh Đ không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Đ có hai con chung là Trần Minh Bảo N, sinh ngày 29/01/2014 và Trần Minh Bảo A, sinh ngày 18/4/2016. Từ khi ly thân, cháu N ở cùng chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H còn cháu A vẫn ở cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu N, đồng ý giao con cháu A cho anh Đ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H trình bày, chị và anh Đ sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đức Đ vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh Đ có quan điểm thể hiện trong biên bản lấy lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức Đ cùng quan điểm với chị Trần Thị Thái H về điều kiện và quá trình kết hôn. Theo anh Đ, sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, đến năm 2016 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; giữa hai vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã. Giữa gia đình hai bên nội ngoại cũng có bất đồng, xích mích. Hiện nay, anh Đ và chị H đang sống ly thân. Quan điểm của anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp nếu chị H kiên quyết muốn ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh Đ và chị H có hai con chung như chị H đã trình bày. Từ khi ly thân đến nay, con lớn cháu Trần Minh Bảo N ở cùng

chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H, còn con nhỏ Trần Minh Bảo A vẫn ở cùng anh Đ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh Đ và chị H ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu A, đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh Đ và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày anh và chị H sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, bị đơn đã có quan điểm được thể hiện trong biên bản lấy lời khai do Tòa án thu thập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51; 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Đ. Giao con Trần Minh Bảo N cho chị H nuôi, giao con Trần Minh Bảo A cho anh Đ nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh Đ tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Đức Đ cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 05/10/2017 đến ngày 07/12/2017 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Trần Đức Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa dù đã được tổng đạt trực tiếp. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ có quan điểm thể hiện tại biên bản lấy lời khai của Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 27/12/2017, anh Trần Đức Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Vì không tổng đạt được Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nên Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 1101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2017 tại nơi cư trú của anh Đ, trụ sở Ủy ban nhân dân phường B và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị H, anh Đ đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Đ chung sống đến khoảng năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Giữa hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã; không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Giữa gia đình chị H và gia đình anh Đ cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ năm tháng 4/2017 đến nay. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên có quan điểm thể hiện đồng ý với chị H về mâu thuẫn giữa hai anh chị do những bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên hai vợ chồng đã thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Anh Đ xác định anh và chị H hiện nay đang sống ly thân. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc nuôi con: Chị H và anh Đ có hai con chung như chị H đã trình bày. Tòa án xét thấy, từ khi ly thân cháu Trần Minh Bảo N ở cùng chị H, còn cháu Trần Minh Bảo A vẫn ở cùng anh Đ nên giao cháu N cho chị H nuôi; giao cháu A cho

anh Đ nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của anh chị và điều kiện thực tế của mỗi bên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh Đ tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về việc chia tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Trần Thị Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thái H được ly hôn anh Trần Đức Đ.

2. Về việc nuôi con:

Chị Trần Thị Thái H và anh Trần Đức Đ có hai con chung là Trần Minh Bảo N, sinh ngày 29/01/2014 và Trần Minh Bảo A, sinh ngày 18/4/2016. Giao con chung Trần Minh Bảo N cho chị Trần Thị Thái H trực tiếp nuôi; giao con Trần Minh Bảo A cho anh Trần Đức Đ trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Trần Thị Thái H không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Thái H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2010 ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trần Thị Thái H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trần Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu